



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION
www.itd.vn

Mã chứng khoán: ITD
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1-4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6-7
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	8-32

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- Tài sản ngắn hạn	100		177.910.572.606	174.752.266.220
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	16.727.775.939	26.870.187.676
1. Tiền	111		13.620.326.373	2.870.187.676
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.107.449.566	24.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	224.000.000	1.724.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		224.000.000	1.724.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.838.323.894	111.931.741.498
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	109.109.993.411	94.417.290.241
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.841.673.783	7.388.188.637
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.08	13.940.140.790	20.447.790.941
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.053.484.090)	(10.321.528.321)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	43.950.407.422	33.854.908.231
1. Hàng tồn kho	141		45.308.151.028	36.813.351.516
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.357.743.606)	(2.958.443.285)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		170.065.351	371.428.815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	138.204.180	133.553.393
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	31.861.171	237.875.422
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		145.977.263.000	152.803.356.398
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	84.228.528
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	84.228.528
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		60.059.017.660	64.207.509.289
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	42.308.877.887	45.881.620.139
- Nguyên giá	222		71.378.871.000	71.818.659.595
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.069.993.113)	(25.937.039.456)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	17.750.139.773	18.325.889.150
- Nguyên giá	228		24.251.431.371	24.251.431.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.501.291.598)	(5.925.542.221)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		84.344.100.343	86.817.100.343
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.02	120.616.100.343	120.616.100.343
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02	2.310.000.000	2.310.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.02	(39.007.000.000)	(36.534.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		425.000.000	425.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.574.144.997	1.694.518.238
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1.574.144.997	1.694.518.238
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		323.887.835.606	327.555.622.618

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		89.526.588.065	102.607.605.095
I. Nợ ngắn hạn	310		70.035.088.669	76.912.331.440
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	31.777.641.953	26.108.789.295
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.172.118.638	18.377.606.802
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.650.081.828	1.067.075.362
4. Phải trả người lao động	314	V.14	7.999.930.715	5.749.784.552
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.906.806.458	12.903.111.812
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.121.480.632	1.268.368.063
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	5.575.980.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	6.627.516.318	9.170.167.536
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.203.532.127	2.267.428.018
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		19.491.499.396	25.695.273.655
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	509.262.076	945.940.271
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	17.200.813.176	22.809.284.012
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.781.424.144	1.940.049.372

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

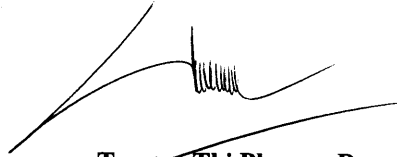
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.20	234.361.247.541	224.948.017.523
I. Vốn chủ sở hữu	410		234.361.247.541	224.948.017.523
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		190.647.980.000	190.647.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		190.647.980.000	190.647.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(721.880.000)	(467.880.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.435.147.541	34.767.917.523
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.697.906.321	6.055.211.107
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.737.241.220	28.712.706.416
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		323.887.835.606	327.555.622.618

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 28 tháng 01 năm 2019

Tổng giám đốc



Lâm Thiệu Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018		Lũy kế từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	93.880.705.818	40.255.720.047	175.825.368.154	103.754.118.162
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	93.880.705.818	40.255.720.047	175.825.368.154	103.754.118.162
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	67.998.307.347	27.761.029.954	130.296.602.598	76.363.723.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.882.398.471	12.494.690.093	45.528.765.556	27.390.394.809
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.535.270.739	7.340.121.156	14.048.312.043	24.201.877.757
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.529.804.775	3.286.545	2.666.154.683	(1.311.821.274)
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		-	-	-	33.174.756
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	10.490.306.989	7.414.536.543	20.064.510.792	17.075.321.132
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	3.778.239.628	4.247.149.601	11.265.313.846	10.976.716.074
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.619.317.818	8.169.838.560	25.581.098.278	24.852.056.634
11. Thu nhập khác	31	VI.07	236.622.910	125.321.647	4.635.278.050	407.018.929
12. Chi phí khác	32	VI.08	15.006.561	56.914.011	27.573.699	64.396.382
13. Lợi nhuận khác	40		221.616.349	68.407.636	4.607.704.351	342.622.547
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		11.840.934.167	8.238.246.196	30.188.802.629	25.194.679.181
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.890.120.177	242.227.599	3.451.561.409	442.252.622
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9.950.813.990	7.996.018.597	26.737.241.220	24.752.426.559

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung



Lâm Thiệu Quân

Ngày 28 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2018 đến 31/12/2018

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.188.802.629	25.194.679.181
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.761.459.441	2.503.242.955
- Các khoản dự phòng	03		(7.546.865.964)	(591.187.908)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.100.630	(401.781.169)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.813.914.979)	(16.416.402.233)
- Chi phí lãi vay	06		48.228.408	33.174.756
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.638.810.165	10.321.725.582
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.615.563.399)	(23.152.259.153)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.494.799.512)	2.332.799.234
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.153.381.559)	15.101.993.315
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		115.722.454	205.790.526
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(48.228.408)	(33.174.756)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(500.000.000)	(175.342.735)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.353.000	359.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(190.394.000)	(259.028.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.242.481.259)	4.701.504.013
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(117.475.190)	(30.454.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		333.340.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.093.725.142	13.180.974.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.809.589.952	11.050.519.680

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(254.000.000)	(15.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.575.980.000	17.661.307.971
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(17.661.307.971)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.030.399.800)	(18.209.487.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.708.419.800)	(18.224.487.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.141.311.107)	(2.472.463.307)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	26.870.187.676	38.870.580.261
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.100.630)	401.781.169
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	16.727.775.939	36.799.898.123

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung



Lâm Thiệu Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
- Sản xuất và mua bán phần mềm tin học

4. **Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty có 105 nhân viên đang làm việc

5. **Cấu Trúc Công ty**

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông, cho thuê trạm BTS	48,01%	48,01%	51,70%
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Mua bán các thiết bị điện tử.	69,14%	69,14%	69,14%
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Mua bán các thiết bị điện tử.	99,92%	99,92%	99,92%
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng;	69,77%	69,77%	69,77%
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt,	100%	100%	100%
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	Mua bán camera quan sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; thiết bị điện, điện tử.	98,80%	98,80%	98,80%

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

Công ty TNHH một thành viên Innovative Software Development	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt.	100%	100%	100%
--	---	------	------	------

Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu ít hơn 50% nhưng Công ty được nhận ủy quyền biểu quyết của các cổ đông với tỷ lệ 3.69% vốn cổ phần thực góp trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu là 51.7%. Do vậy Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty cổ phần định vị Tiên Phong có trụ sở chính tại Số 01 đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh thiết bị định vị. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này lần lượt là 64,92% và 25%.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán bằng máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí hội viên câu lạc bộ golf. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước.

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf trả trước thể hiện khoản tiền thanh toán tham gia câu lạc bộ golf trong 44 năm. Chi phí hội viên câu lạc bộ golf được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian tham gia (44 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa

và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 05% trên doanh thu (năm trước là 05%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn Cổ phần”.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	20.141.562	102.655.102
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.600.184.811	2.767.532.574
Các khoản tương đương tiền	3.107.449.566	24.000.000.000
Cộng	16.727.775.939	26.870.187.676

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng. Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản bảo lãnh thực hiện

hợp đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Gửi tiết kiệm tại BIDV HCM	224.000.000	1.724.000.000
Cộng	224.000.000	1.724.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	120.616.100.343	(36.697.000.000)	120.616.100.343	(34.224.000.000)
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	25.107.804.223	-	25.107.804.223	-
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	9.266.284.800	(2.473.000.000)	9.266.284.800	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	9.817.036.601	-	9.817.036.601	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	36.565.360.964	(34.224.000.000)	36.565.360.964	(34.224.000.000)
Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông	10.859.613.755	-	10.859.613.755	-
Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	2.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	2.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)
Cộng	122.926.100.343	(39.007.000.000)	122.926.100.343	(36.534.000.000)

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết Công ty cổ phần định vị Tiên Phong đã tạm ngừng hoạt động.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.749.766.732	1.143.557.338
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	2.165.469.436	-
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	297.521.208	65.296.942
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh		845.672.000
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	23.940.997	174.243.460
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	38.395.216	3.193.136
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu	224.439.875	55.151.800
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	106.360.226.679	93.273.732.903
LIÊN DANH TOSHIBA-HITACHI-ITOCU	-	9.647.930.540
Công ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC	36.949.569.230	29.105.957.272
TCT Phát Triển Hạ Tầng & Đầu Tư Tài Chính Việt Nam	19.405.446.333	19.944.954.660
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	9.125.140.300	9.125.140.300
Công ty TNHH BOT và BT Quốc Lộ 20	1.539.008.050	1.441.313.680
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Băng Dương	5.059.801.608	6.843.849.600
Công ty CP Máy - Thiết Bị Dầu Khí	1.231.881.178	2.743.844.418
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng IDICO	584.962.560	1.122.727.920
Trung Tâm Quản Lý Đường Hàm Sông Sài Gòn	894.204.821	1.304.979.751
Ban Quản Lý Dự án Các Công Trình Bưu Điện - Tổng Công ty Bưu Điện	6.532.841.600	-
Cục Tài Vụ - Quản Trị	4.820.575.999	-
Công Ty TNHH Xây Dựng Công Nghiệp OLYMPIA	3.890.943.634	-
Tổng Công Ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 1- Công ty CP	3.448.896.805	2.367.307.420
Các khách hàng khác	12.876.954.561	9.625.727.342
Cộng	109.109.993.411	94.417.290.241
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	3.841.673.783	7.388.188.637
OPTITECH PTE LTD	-	3.322.686.858
Công ty CP Thiết Bị Điện Gia Huy	987.615.955	987.615.955
CN Công ty TNHH Bosch Việt Nam	1.833.969.136	-
Nhà cung cấp khác	1.020.088.692	3.077.885.824
Cộng	3.841.673.783	7.388.188.637
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

6. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.681.338.272	(3.500.000.000)	8.877.223.233	(3.500.000.000)
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - khác		-	18.239.595	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác	39.461.567	-	143.781.617	-
Công ty TNHH liên doanh Global sitem - khác	28.476.424	-	169.152.021	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Cho mượn	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Công ty cổ phần tin học Siêu Tín Thông - Cổ tức	113.400.281	-	-	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Khác	-	-	46.050.000	-
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development - Cổ tức	-	-	5.000.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.258.802.518	-	11.570.567.708	-
Lãi dự thu	65.503.324	-	446.171.618	-
Ký cược, ký quỹ	2.528.637.870	-	2.279.134.947	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Tạm ứng	205.100.000	-	265.610.000	-
Phải thu khác	7.459.561.324	-	8.579.651.143	-
Cộng	13.940.140.790	(3.500.000.000)	20.447.790.941	(3.500.000.000)

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.	33.909.387.362	-	25.942.864.170	-
Hàng hóa	11.398.763.666	(1.357.743.606)	10.870.487.346	(2.958.443.285)
Cộng	45.308.151.028	(1.357.743.606)	36.813.351.516	(2.958.443.285)

Giá trị hàng hóa tồn kho chậm tiêu thụ tiêu thụ hoặc khó có thể thanh lý để thu hồi giá trị cuối kỳ là 1.357.743.606 VND (số đầu năm là 2.958.443.285 VND).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	69.834.629	77.251.457
Chi phí bảo hiểm	18.545.358	22.035.270
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	31.187.833	17.600.000
Chi phí khác	18.636.360	16.666.666
Cộng	138.204.180	133.553.393

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	647.602.973	665.536.598
Chi phí sửa chữa	436.197.775	457.636.386
Công cụ, dụng cụ	490.344.249	571.345.254
Cộng	1.574.144.997	1.694.518.238

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	50.300.949.660	17.382.379.854	2.729.636.128	1.405.693.953	71.818.659.595
Mua trong năm	-	-	-	117.475.190	117.475.190
Thanh lý TSCĐ	-	-	-	(557.263.785)	(557.263.785)
Số cuối kỳ	50.300.949.660	17.382.379.854	2.729.636.128	965.905.358	71.378.871.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.559.198.978	13.336.977.688	1.220.568.816	820.293.974	25.937.039.456
Khấu hao trong năm	1.277.413.425	1.513.618.803	341.204.526	71.033.622	3.203.270.376
Thanh lý TSCĐ	-	-	-	(70.316.719)	(70.316.719)
Số cuối kỳ	11.836.612.403	14.850.596.491	1.561.773.342	821.010.877	29.069.993.113
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	39.741.750.682	4.045.402.166	1.509.067.312	585.399.979	49.577.081.224
Số cuối kỳ	38.464.337.257	2.531.783.363	1.167.862.786	144.894.481	42.308.877.887

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	24.053.529.245	197.902.126	24.251.431.371
Số cuối kỳ	24.053.529.245	197.902.126	24.251.431.371
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	5.727.640.095	197.902.126	5.925.542.221
Khấu hao trong kỳ	575.749.377	-	575.749.377
Số cuối kỳ	6.303.389.472	197.902.126	6.501.291.598
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	18.325.889.150	-	18.325.889.150
Số cuối kỳ	17.750.139.773	-	17.750.139.773

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.550.697.654	8.249.761.313
Công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem	110.102.085	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	93.381.569	108.950.569
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	5.852.500.000	5.680.000.000
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	-	971.153.344
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tính	494.714.000	1.489.657.400
Phải trả các nhà cung cấp khác	25.226.944.299	17.859.027.982
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hoàng Đạo	4.130.200.350	4.130.200.350
Các nhà cung cấp khác	21.096.743.949	13.728.827.632
Cộng	31.777.641.953	26.108.789.295

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan		5.649.078.444
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	5.649.078.444
Trả trước của các khách hàng khác	6.172.118.638	12.728.528.358
Cty IVU TRAFFIC TECHNOLOGIES AG	-	6.690.481.243
Cục Tài Vụ - Quản Trị		4.642.977.100
Công ty CP PT Đường Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	3.595.272.080	-
Các khách hàng khác	2.576.846.558	1.395.070.015
Cộng	6.172.118.638	18.377.606.802

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.553.294	-	1.420.483.529	576.757.537	849.279.286	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.408.823.529	3.408.823.529	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	31.861.171	2.381.859.239	2.381.859.239	-	31.861.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	206.014.251	3.451.561.409	500.000.000	2.745.547.158	-
Thuế thu nhập cá nhân	52.066.036	-	1.598.266.566	1.595.077.218	55.255.384	-
Thuế TNDN, GTGT nhà thầu	1.009.456.032	-	433.495.803	1.442.951.835	-	-
Cộng	1.067.075.362	237.875.422	12.694.490.075	9.905.469.358	3.650.081.828	31.861.171

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp phần mềm	Không chịu thuế
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan	0%
- Hàng hóa, dịch vụ	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

14. Phải trả người lao động

Lương, thưởng phải trả nhân viên.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí thi công cho công trình

Chi phí khác

Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thi công cho công trình	2.843.790.458	12.755.095.812
Chi phí khác	63.016.000	148.016.000
Cộng	2.906.806.458	12.903.111.812

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác****Phải trả các bên liên quan**

Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác

Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Tiên Phong - Cho mượn

Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - Ký quỹ

Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Ký quỹ

Công ty cổ phần Cơ Điện Thạch Anh - Ký quỹ

Phải trả các đơn vị và cá nhân khác

Phải trả khác cho cá nhân

Cổ tức phải trả

Phải trả khác

Nhận ký quỹ, ký cược

Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.542.898.323	436.449.720
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích	38.757.290	7.818.800
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác	4.141.033	
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Tiên Phong - Cho mượn	2.500.000.000	
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - Ký quỹ		128.152.320
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Ký quỹ		135.237.360
Công ty cổ phần Cơ Điện Thạch Anh - Ký quỹ		165.241.240
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	508.165.252	781.910.202
Phải trả khác cho cá nhân	16.700.000	342.859.775
Cổ tức phải trả	148.269.800	85.320.600
Phải trả khác	343.195.452	353.729.827
Nhận ký quỹ, ký cược	70.417.057	50.008.141
Cộng	3.121.480.632	1.268.368.063

16b. Phải trả dài hạn khác**Phải trả các bên liên quan**

Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược

Công ty TNHH liên doanh Global Sitem - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác

Nhận ký quỹ, ký cược

Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	623.931.745
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	-	236.318.500
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	-	302.645.460
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	-	84.967.785
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	509.262.076	322.008.526
Nhận ký quỹ, ký cược	509.262.076	322.008.526
Cộng	509.262.076	945.940.271

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	9.170.167.536
Tăng do trích lập trong kỳ	4.289.761.485
Giảm do hoàn nhập	(6.520.089.267)
Số sử dụng trong kỳ	(312.323.436)
Số cuối kỳ	6.627.516.318

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	22.809.284.012
Tăng do trích lập trong kỳ	80.658.635
Giảm do hoàn nhập	(4.196.119.170)
Số sử dụng trong kỳ	(1.493.010.301)
Số cuối kỳ	17.200.813.176

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Số đầu năm	2.267.428.018
Tăng/giảm từ các Công ty con	149.835.907
Trích lập trong kỳ	(23.337.798)
Chi quỹ trong kỳ	(190.394.000)
Số cuối kỳ	2.203.532.127

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

20. Vốn chủ sở hữu**20.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	190.647.980.000	(15.680.000)	-	36.961.416.124	227.593.716.124
Mua cổ phiếu quỹ		(452.200.000)	-	-	(452.200.000)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(30.489.035.998)	(30.489.035.998)
Điều chỉnh lợi nhuận những nă	-	-	-	(206.409.019)	(206.409.019)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				453.252.373	453.252.373
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	28.048.694.043	28.048.694.043
Số dư cuối kỳ trước	190.647.980.000	(467.880.000)	-	34.767.917.523	224.948.017.523
Số dư đầu năm nay	190.647.980.000	(467.880.000)	-	34.767.917.523	224.948.017.523
Mua cổ phiếu quỹ	-	(254.000.000)	-	-	(254.000.000)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(17.093.349.000)	(17.093.349.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc l	-	-	-	23.337.798	23.337.798
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	26.737.241.220	26.737.241.220
Số dư cuối kỳ này	190.647.980.000	(721.880.000)	-	44.435.147.541	234.361.247.541

20 b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.064.798	19.064.798
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.064.798	19.064.798
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.064.798	19.064.798
Số lượng cổ phiếu được mua lại	72.188	46.788
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	72.188	46.788
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.992.610	19.018.010
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.992.610	19.018.010

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20 c. Phân phối lợi nhuận

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và biên bản họp cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên của Công ty năm 2018 ngày 12 tháng 7 năm 2018 thông qua mức chia cổ tức năm 2017 là : 15% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phần, trong đó Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2017 bằng tiền mặt là 15%.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đối tượng	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/12/2017
Tổng doanh thu	93.880.705.818	40.255.720.047	175.825.368.154	103.754.118.162
- Doanh thu bán hàng hóa	86.161.308.772	34.603.185.292	160.738.903.170	84.454.267.539
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.719.397.046	5.652.534.755	15.086.464.984	19.299.850.623
Doanh thu thuần	93.880.705.818	40.255.720.047	175.825.368.154	103.754.118.162

2. Giá vốn hàng bán

Đối tượng	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/12/2017
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	58.926.410.276	17.724.137.740	103.625.571.656	49.378.569.570
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.071.897.071	10.036.892.214	26.671.030.942	26.985.153.783
Cộng	67.998.307.347	27.761.029.954	130.296.602.598	76.363.723.353

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/12/2017
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	132.957.886	242.069.347	903.642.895	1.103.944.880
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.339.439	4.276.915	17.303.732	19.492.570
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.382.151.934	7.027.108.200	12.922.814.234	22.581.634.900
Lãi CLTG phát sinh	15.821.480	468.447.863	204.132.169	493.807.817
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(401.781.169)	419.013	-
Khác			-	2.997.590
Cộng	2.535.270.739	7.340.121.156	14.048.312.043	24.201.877.757

4. Chi phí hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/12/2017
Chi phí lãi vay	48.228.408		48.228.408	20.491.956
Lỗ CLTG phát sinh	8.576.367	3.286.545	143.406.632	28.053.970
Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			1.519.643	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	2.473.000.000		2.473.000.000	(1.373.050.000)
Các khoản chi phí khác				12.682.800
Cộng	2.529.804.775	3.286.545	2.666.154.683	(1.311.821.274)

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

5. Chi phí bán hàng

Đối tượng	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/12/2017
Chi phí cho nhân viên	9.805.968.042	6.550.720.133	18.309.175.290	15.069.603.797
Chi phí đồ dùng văn phòng	172.407.829	151.442.174	439.869.083	386.142.799
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.500.002	2.537.880	7.324.460	5.188.555
Chi phí bảo hành	13.908.788	2.347.627	54.116.890	28.264.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.475.548	421.491.986	896.919.482	1.046.702.212
Chi phí khác	157.046.780	285.996.743	357.105.587	539.418.774
Cộng	10.490.306.989	7.414.536.543	20.064.510.792	17.075.321.132

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối tượng	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/12/2017
Chi phí cho nhân viên	3.263.577.653	3.342.847.143	9.223.926.760	8.432.378.322
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.888.601	101.547.015	148.850.735	330.729.876
Chi phí khấu hao TSCĐ	117.446.208	120.468.936	357.376.495	361.406.808
Chi phí dự phòng	(101.416.591)	-	(268.044.231)	2.016.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	391.154.213	591.235.159	1.665.951.012	1.706.424.965
Chi phí khác	50.589.544	91.051.348	137.253.075	143.759.436
Cộng	3.778.239.628	4.247.149.601	11.265.313.846	10.976.716.074

7. Thu nhập khác

Đối tượng	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/12/2017
Thu tiền nhượng bán, thanh lý hàng hóa	21.363.636	-	21.363.636	-
Hoàn nhập dự phòng phải bảo hành	207.857.791	106.601.721	4.481.892.380	199.788.670
Thu khác	7.401.483	18.719.926	132.022.034	207.230.259
Cộng	236.622.910	125.321.647	4.635.278.050	407.018.929

8. Chi phí khác

Đối tượng	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/12/2017
Chi phí khác	15.006.561	56.914.011	27.573.699	64.396.382
Cộng	15.006.561	56.914.011	27.573.699	64.396.382

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đối tượng	Từ 01/10/2018 đến	Từ 01/10/2017 đến	Từ 01/04/2018 đến	Từ 01/04/2017 đến
	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017
Chi phí hàng hóa xuất bán	60.471.880.081	26.940.273.397	107.437.513.130	75.173.606.203
Chi phí nhân công	13.069.545.695	9.893.567.276	27.533.102.050	31.574.774.314
Thiết bị văn phòng và VPP	229.296.430	252.989.189	588.719.818	920.010.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.250.212.581	1.252.834.020	3.753.209.438	5.008.910.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.370.426.143	10.554.093.560	28.081.720.227	35.144.171.250
Chi phí khác	207.636.324	377.048.091	2.198.685.765	2.271.728.881
Cộng	82.598.997.254	49.270.805.533	169.592.950.428	150.093.202.243

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 2.417.020.000VND (cùng kỳ năm trước là 2.747.660.000VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	Cùng tập đoàn
Công ty cổ phần In No	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu	Cùng tập đoàn

Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	478.066.699	493.233.390
Phải thu chi phí chia sẻ	90.658.386	88.268.585
Mua hàng	1.087.989.720	

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

Công ty TNHH một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu

Cho thuê kho, thuê văn phòng	412.057.250	451.242.000
------------------------------	-------------	-------------

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu		
Mua hàng hoá và dịch vụ	631.914.200	292.167.950
Bán hàng hoá và dịch vụ	17.351.000.000	-
Cho thuê kho, thuê văn phòng	1.048.073.378	1.121.496.596
Nhận VSOP	104.370.835	96.527.397
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	102.696.000	359.000.000
Nhận cổ tức	10.540.662.300	17.958.165.400
Phải thu chi phí chia sẻ	134.979.738	127.717.256
Phải trả chi phí chia sẻ	5.660.575	20.504.500
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	-	8.857.326
Mua hàng hoá và dịch vụ	568.562.367	3.300.162.945
Bán hàng hoá và dịch vụ	9.337.922.100	11.589.410.000
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	(11.590.000)	-
Nhận VSOP	-	23.743.334
Phải trả chi phí chia sẻ	-	-
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến		
Nhận cổ tức	-	1.623.469.500
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	7.302.907	-
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	1.358.289.286	1.360.754.834
Phải thu chi phí chia sẻ	22.648.800	1.100.600
Phải trả chi phí chia sẻ	42.433.800	59.586.200
Nhận VSOP	18.749.700	-
Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông		
Mua hàng hoá và dịch vụ	1.005.522.050	705.106.677
Nhận cổ tức	2.382.151.934	-
Mượn tiền	12.000.000.000	-
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong		
Mượn tiền	21.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	135.371.177	126.646.883
Nhận cổ tức	5.000.000.000	3.000.000.000
Mượn tiền	-	500.000.000
Mua hàng hoá và dịch vụ	5.102.500.000	14.520.718.000

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2019

Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh từ 01/04/2018 đến 31/12/2018

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Viễn thông - tin học	34.948.936.410	26.364.291.096	8.584.645.314
Hạ tầng - Giao thông	114.682.190.833	82.183.847.198	32.498.343.635
Điện - Điện Công Nghiệp	1.818.841.087	1.611.361.893	207.479.194
Lĩnh vực khác	24.375.399.824	20.137.102.411	4.238.297.413
Tổng cộng	175.825.368.154	130.296.602.598	45.528.765.556

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Chỉ tiêu	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Chênh lệch	So sánh
Tổng doanh thu	93.880.705.818	40.255.720.047	53.624.985.771	133%
Giá vốn hàng bán	67.998.307.347	27.761.029.954	40.237.277.393	145%
Lợi nhuận gộp	25.882.398.471	12.494.690.093	13.387.708.378	107%
Doanh thu tài chính	2.535.270.739	7.340.121.156	(4.804.850.417)	-65%
Chi phí tài chính	2.529.804.775	3.286.545	2.526.518.230	76.875%
Chi phí bán hàng	10.490.306.989	7.414.536.543	3.075.770.446	41%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.778.239.628	4.247.149.601	(468.909.973)	-11%
Thu nhập khác	236.622.910	125.321.647	111.301.263	89%
Chi phí khác	15.006.561	56.914.011	(41.907.450)	-74%
Tổng lợi nhuận sau thuế	9.950.813.990	7.996.018.597	1.954.795.393	24%

Doanh thu trong quý đạt 93,8 tỷ tăng 133% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lãi gộp đạt 25,8 tỷ tăng 107%. Tuy nhiên, lợi nhuận đầu tư thu được từ công ty con kỳ trước nhiều hơn kỳ này 4,8 tỷ đồng thời công ty cũng trích dự phòng giảm giá đầu tư 2,5 tỷ làm cho lợi nhuận hoạt động tài chính giảm 7,3 tỷ. Bên cạnh đó chi phí bán hàng tăng 3 tỷ so với cùng kỳ. Các yếu tố này làm cho tổng lợi nhuận sau thuế đạt 9,9 tỷ, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước.

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 28 tháng 01 năm 2019



Tổng Giám đốc

Lâm Thiệu Quân